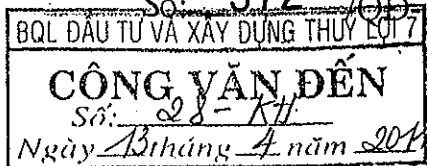


Số: **572** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **28** tháng **3** năm **2011**



QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình
Hồ chứa nước Đồng Điền - tỉnh Khánh Hòa**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ);

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Xây dựng số 16/2003/QH11; Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 và Luật số 38/2009/QH12 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về Quản lý dự án đầu tư (DAĐT) xây dựng công trình; số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 251/2006/QĐ-TTg ngày 31/10/2006 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020; số 51/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005 phê duyệt Quy hoạch khu kinh tế Vĩnh Vân Phong đến năm 2020;

Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh Khánh Hòa: Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015; số 1573/QĐ-UBND ngày 31/8/2008 cho phép lập DAAĐT Hồ chứa nước Đồng Điền; số 3094/QĐ-UBND ngày 17/12/2008 về việc phê duyệt Kết quả đấu thầu gói thầu số 3 Tư vấn khảo sát và lập DAAĐT thuộc dự án Hồ chứa nước Đồng Điền; quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; văn bản số 6422/UBND ngày 02/12/2009 về việc đề nghị chuyển chủ đầu tư dự án Hồ chứa nước Đồng Điền; văn bản số 759/TTr-UBND ngày 22/02/2010 đề nghị phê duyệt DAAĐT Hồ chứa nước Đồng Điền, tỉnh Khánh Hòa;

Xét Tờ trình số 2181/SNN-QLCT ngày 04/10/2010 của Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa xin phê duyệt DAAĐT xây dựng công trình Hồ chứa nước Đồng Điền, kèm hồ sơ thiết kế do Liên danh Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP & Công ty CP Tư vấn xây dựng Thủy lợi Khánh Hòa lập; Báo cáo thẩm tra của Viện Khoa học & công nghệ công trình thủy thuộc Trường Đại học Xây dựng và văn bản số 4240/BNN-KH ngày 23/12/2009 của Bộ đồng ý tiếp nhận quản lý thực hiện Dự án đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo thẩm định số 1342/XD-TĐ ngày 29/10/2010 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Đồng Điền, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án.

Hồ chứa nước Đồng Điền, tỉnh Khánh Hòa.

2. Địa điểm xây dựng.

- Công trình đầu mối gồm đập Bắc trên suối Đồng Điền và đập Nam trên suối Hào, thuộc xã Vạn Phú-huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Khu hưởng lợi thuộc các xã Vạn Phú, Vạn Lương, Vạn Thắng, Vạn Khánh, Vạn Bình, thị trấn Vạn Giã và khu vực phía Bắc khu kinh tế Vân Phong huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Cấp quyết định đầu tư.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hòa là chủ đầu tư giai đoạn lập dự án đầu tư;

- Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 7 (Ban 7) là chủ đầu tư giai đoạn thực hiện, trực tiếp quản lý hợp phần công trình đầu mối;

- Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm cả bồi thường xây dựng nhà máy nước cấp cho thị xã Vạn Giã): UBND tỉnh Khánh Hòa tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức quản lý, thực hiện.

5. Tổ chức tư vấn lập và chủ nhiệm dự án.

- Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (HEC) và Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi Khánh Hòa.

- Chủ nhiệm dự án: Tiến sỹ Hoàng Minh Dũng.

6. Hình thức đầu tư.

Xây dựng mới.

7. Nhiệm vụ dự án.

- Tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp giai đoạn I: 90.000 m³/ngày-đêm, giai đoạn II: 150.000 m³/ngày-đêm.

- Cấp nước tưới cho nông nghiệp giai đoạn I: tưới 2.019 ha lúa, giai đoạn II tưới 850 ha lúa và 850 ha màu.

- Tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 30.000 dân trong khu tưới.

- Kết hợp chống lũ, nuôi trồng thủy sản, giao thông nông thôn, du lịch và góp phần cải tạo môi trường sinh thái trong vùng dự án.

8. Cấp công trình và tần suất thiết kế.

Theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 285-2002.

- Cấp công trình đầu mối: cấp II.

- Tần suất thiết kế:

- + Đảm bảo tưới: 75%
- + Đảm bảo cấp nước sinh hoạt và công nghiệp: 90%
- + Lũ thiết kế: 0,5%
- + Lũ kiểm tra: 0,1%
- + Dẫn dòng thi công: 5% (kiểm tra 1%); 1% (kiểm tra 0,2%).

9. Giải pháp công trình cấp nước và tuyến công trình đầu mối.

- Chọn giải pháp công trình cấp nước là làm hai Hồ chứa để tận dụng tối đa lượng nước đến của suối Đồng Điền (đập Bắc) và suối Hào (đập Nam).

- Tuyến công trình đầu mối:

- + Đập Bắc ở thượng lưu đập dâng Đồng Dưới.
- + Đập Nam chọn phương án tuyến về phía thượng lưu, cách đập dâng Vĩnh Huế 400 m.

10. Các đặc trưng thủy văn và thông số kỹ thuật hồ chứa.

Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

11. Quy mô xây dựng, thông số kỹ thuật và kết cấu chủ yếu.

Chi tiết thông số kỹ thuật các hạng mục công trình tại Phụ lục I kèm theo.

11.1. Công trình thủy công ở tuyến đập Bắc và Nam.

11.1.1. Hai đập bê tông ngăn sông.

Đập Bắc và Nam (có kết cấu như nhau) là đập bê tông đầm lăn (RCC); mái thượng lưu hệ số mái $m = 0$ và $0,1$; mái hạ lưu hệ số mái $m = 0$ và $0,8$. Thượng lưu đập bằng bê tông (BT) lưới thép M200, mác chống thấm B6 (M200-B6), mặt giáp nước quét vật liệu chống thấm; nối tiếp bằng RCC cấp phối vật liệu loại CP2 và CP3 M150; phần mái hạ lưu là lớp BT biến thái M150. Đáy đập bằng BT M200-B6. Đỉnh đập rộng 9,0m, hai bên là hành lang bằng BT M200 rộng 1,0m và lan can bằng thép; bố trí hệ thống điện chiếu sáng cao áp.

Thân đập bố trí 02 tầng hành lang để thu nước, kiểm tra và đặt thiết bị. Hành lang thoát nước trên của đập Bắc cao trình đáy +33,0m, kích thước (b x h) = (3,0 x 3,5)m; hành lang thoát nước trên của đập Nam cao trình đáy +38,0m, kích thước (b x h) = (3,0 x 3,5)m. Hành lang thoát nước dưới của 2 đập cách đáy móng (2,0 ÷ 3,0)m; đáy hành lang kết hợp làm tấm phản áp khoan phụt chống thấm nền.

11.1.2. Hai đập tràn xả lũ.

Hai tràn xả lũ Bắc và Nam có kết cấu như nhau, bằng RCC, dạng oficerop, tiêu năng mũi phun. Thượng lưu đập bằng BT lưới thép M200-B6, mặt giáp nước quét vật liệu chống thấm; nối tiếp bằng RCC cấp phối vật liệu loại CP2 và CP3 mác 150. Lớp bọc đỉnh, thân và mũi phun tràn bằng BTCT M300-B6. Đáy đập bằng BT và BTCT M300-B6.

Mũi phun cao trình +22,0m; cao trình đáy hố xói dự kiến -0,5m; gia cố nối tiếp chân đập tràn đến miệng hố xói dài 33,5m bằng BTCT M300.

Trụ pin phần đỉnh dài 23,5m, dày 2,0m, cao trình +72,0m bằng BTCT M200-B6. Đỉnh trụ phía thượng lưu bố trí: điện chiếu sáng cao áp; khe & cầu thả phai rộng khoảng 3,2m và cầu giao thông nối đỉnh đập hai bên rộng 7,0m bằng BTCT mác 300; phía hạ lưu bố trí nhà đặt thiết bị vận hành cửa van. Hầm để phai bố trí ở đỉnh khoang đập không tràn liên kề.

11.1.3. Hai cống lấy nước dưới đập.

Hai cống lấy nước ở đập Bắc và Nam có kết cấu như nhau. Phần đầu ở thân đập; cống lấy nước đập Bắc bố trí bên vai phải, cống lấy nước đập Nam bố trí bên vai trái.

- Thượng lưu cống ở cao trình +35,0m bố trí phai sửa chữa bằng BTCT, lưới chắn rác và cửa van sửa chữa.

- Thân cống bằng ống thép dày 10 mm; phần trong thân đập Bắc đường kính 1,2m dài 43,5m, phần ngoài đập đường kính 0,6m dài 137,0m; phần trong thân đập Nam đường kính 0,8m dài 50,5m, phần ngoài đập đường kính 0,6m dài 110,0m.

- Hạ lưu cống bố trí nhà van để xả nước xuống hạ lưu và lấy nước vào xi phông.

11.1.4. Xử lý nền tuyến đập Bắc và Nam.

- Toàn bộ nền tuyến công trình được khoan phụt vữa xi măng chống thấm. Khoan phụt 3 hàng theo tuyến hành lang tiêu nước nền đập.

- Xử lý đứt gãy: đào mở rộng phạm vi đứt gãy tạo nêm, đổ bù BT M200.

11.1.5. Kênh thông hồ.

Đào kênh nối hai hồ Bắc và Nam dài 1.875m, kênh đất hình thang; mái hệ số $m = (0,5 \div 2,0)$; đáy cao trình +33,0m, rộng 10m; lưu lượng thiết kế $Q_{ik} = 3,52 \text{ m}^3/\text{s}$.

11.1.6. Hệ thống quan trắc.

Hai đập Bắc và Nam mỗi đập bố trí 3 tuyến quan trắc (dưới tràn, vị trí đập cao nhất và nơi nền yếu, địa chất phức tạp) để quan trắc: lún, áp lực thấm nền đập, ứng suất đáy móng và thân đập, chuyển vị khớp nối và đỉnh đập, nhiệt độ thân đập.

11.2. Phần cơ khí thủy công.

11.2.1. Hai tràn xả lũ (như nhau).

- Cửa van cung bằng thép, bán kính $R=10 \text{ m}$. Mỗi tràn 3 cửa van cung, tổng số 06 cửa. Kích thước mỗi cửa ($B \times H$) = (10 x 8)m; chống gỉ bằng 2 lớp sơn.

- Thiết bị đóng mở cửa van cung: xi lanh thủy lực, mỗi cửa gồm 2 xi lanh, 1 bộ nguồn và đường ống thủy lực.

- Phai sửa chữa: bố trí khe phai trước cửa cung, phai bằng thép, kích thước ($B \times H$) = (10,0 x 1,6)m, đóng mở phai bằng cầu trục 10 tấn. Số lượng 02 bộ, mỗi bộ cho một đập tràn (12 cái).

11.2.2. Hai cống lấy nước.

- Cửa vào bố trí lưới chắn rác bằng thép, vớt rác bằng thủ công, cửa sửa chữa phẳng bằng thép, kích thước ($B \times H$) = (2,0 x 1,2) m, nâng hạ bằng máy vít chạy điện và quay tay 30VD1.

- Hạ lưu bố trí 02 van điều tiết lưu lượng đóng mở bằng tay, 01 van đường kính $\Phi 600$ xả nước xuống hạ lưu, 01 van lấy nước vào xi phông (đập Bắc đường kính $\Phi 400$, đập Nam đường kính $\Phi 500$). Lắp ráp sửa chữa van bằng palăng 1,5T.

11.3. Phần điện.

11.3.1. Điện thi công.

- Khu đầu mối đập Bắc: xây dựng mới đường dây 22kV dài 6km và 3 trạm biến áp TC1, TC2, TC3; mỗi trạm 400kVA-22/0,4kV, kiểu treo.

- Khu đầu mối đập Nam: xây dựng mới đường dây cấp điện 22kV từ đường dây cấp điện cho đập Bắc dài 2km và 3 trạm biến áp TC4, TC5, TC6, mỗi trạm 400kVA-22/0,4kV, kiểu treo.

11.3.2. Điện vận hành cho mỗi khu đầu mối.

- Trạm biến áp 100 kVA-22/0,4kV (sử dụng lại trạm biến áp cấp điện thi công TC5 và TC2, chỉ thay mới máy biến áp).
 - Máy phát điện dự phòng công suất 82kVA-0,4/0,23kV.
 - Điện hạ thế điều khiển và vận hành cửa tràn xả lũ (điều khiển tại chỗ và trung tâm), điện nhà quản lý và chiếu sáng công trình.
- Chi tiết khối lượng thiết bị điện tại Bảng 2, Phụ lục II kèm theo.

11.4. Cấp nước cho thị trấn Vạn Giã trong quá trình thi công.

Tại thượng lưu đập Nam, xây dựng nhà máy nước trên suối Hào (thay cho nhà máy cũ bị ngập trong lòng hồ) công suất 2.000 m³/ngày-đêm; bể chứa nước và đường ống nối với đường ống cũ ở hạ lưu để cấp nước cho thị trấn Vạn Giã.

11.5. Các hạng mục phục vụ thi công.

11.5.1. Khu phụ trợ.

Mỗi đập 02 khu, trong đó bố trí trạm trộn BT và tập kết các loại xe máy thiết bị.

11.5.2. Đường thi công.

- Đường thi công kết hợp quản lý là đường cấp IV miền núi gồm 2 tuyến với tổng chiều dài 7.860m. Trong đó tuyến nối giữa đập Bắc với đập Nam dài 4.140 m và tuyến nối từ đập Bắc ra Quốc lộ 1A dài 3.720 m. Đường rộng $B = 5,5m + (2 \times 1,0m) = 7,5m$. Mặt đường rộng 5,5m gồm lớp BT átphan, trên lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm và lớp móng đá dăm tiêu chuẩn 50cm. Lề hai bên bằng lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm.

- Đường thi công nội bộ: có 16 tuyến, tổng chiều dài 6.350m, gồm 9 tuyến cho đập Bắc và 7 tuyến cho đập Nam. Đường rộng $B = 5,5m + (2 \times 1,0m) = 7,5m$. Mặt đường rộng 5,5m gồm lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm và lớp móng đá dăm tiêu chuẩn dày 50cm.

11.6. Dẫn dòng thi công.

- Năm chuẩn bị: xây dựng các hạng mục phục vụ thi công và chuẩn bị xây dựng công trình chính.

- Năm thứ 1: dẫn dòng qua lòng suối chính, mùa khô xây dựng cống dẫn dòng.
- Năm thứ 2: dẫn dòng qua lòng suối chính.
- Năm thứ 3: mùa khô dẫn dòng qua cống dẫn dòng, mùa lũ dẫn dòng qua đập tràn xây dở ở cao trình +40m.
- Năm thứ 4: xả lũ qua tràn đã hoàn thiện.

11.7. Hệ thống quản lý công trình.

Gồm các hạng mục: Khu quản lý đập Bắc và đập Nam; Đường thi công kết hợp quản lý; Hệ thống thông tin liên lạc; Trang thiết bị phục vụ quản lý, vận hành.

11.7.1. Khu quản lý.

- Khu quản lý đập Bắc ở hạ lưu bên vai phải, cách đập 650m. Khu quản lý đập Nam ở hạ lưu bên vai trái, cách đập 750m.

- Mỗi khu quản lý được xây dựng trên khuôn viên 3.000 m² đất, gồm các hạng mục: Nhà điều hành quản lý 3 tầng, cấp IV, diện tích xây dựng 300m², khung BTCT chịu lực, tường gạch xây bao, cửa các loại bằng gỗ. Nhà để xe, gara ô tô và các hạng mục sân bãi, cây xanh, hàng rào, cổng...

11.7.2. Đường quản lý.

Đường quản lý kết hợp thi công: gồm 2 tuyến đường như đã nêu tại mục 11.5.2.

11.7.3. Trang thiết bị quản lý, vận hành.

Theo Tiêu chuẩn ngành 14TCN131-2002 gồm: hệ thống thông tin liên lạc, trang thiết bị quản lý, vận hành và trang thiết bị ban đầu, được đầu tư theo hướng hiện đại, tiết kiệm và phù hợp với tình hình thực tế.

12. Khối lượng chủ yếu.

Chi tiết tại Bảng 1, Phụ lục II kèm theo.

13. Tổng mức và nguồn vốn đầu tư.

13.1. Tổng mức đầu tư:

Theo đơn giá quý III/2010, Tổng mức đầu tư là **3.520.263.361.000 đ** (Ba ngàn năm trăm hai mươi tỷ, hai trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 2.193.931.812.000 đ;
- Chi phí thiết bị : 77.580.643.000 đ;
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (BT, HT & TĐC): 306.705.719.000 đ;
- Chi phí quản lý dự án: 17.196.118.000 đ;
- Chi phí Tư vấn : 94.786.346.000 đ;
- Chi phí khác : 30.062.723.000 đ;
- Chi phí dự phòng: 800.000.000.000 đ.

Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo.

13.2. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách Trung ương là 3.513.544.344.000 đ để xây dựng hợp phần Công trình đầu mối Bắc & Nam; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí khác để thực hiện phần việc nói trên.

- Vốn ngân sách địa phương là 6.719.017.000 đ để khảo sát, lập DAĐT và các chi phí khác để thực hiện phần việc nói trên (theo các Quyết định của UBND tỉnh Khánh Hoà: số 1573/QĐ-UBND ngày 31/8/2008 cho phép lập DAĐT và số 3094/QĐ-UBND ngày 17/12/2008 phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu số 3 Tư vấn khảo sát và lập DAĐT Hồ chứa nước Đồng Điền).

14. Thời gian thực hiện dự án.

Hoàn thành công trình trong 5 năm kể từ ngày khởi công.

15. Hiệu quả dự án.

- Hệ số nội hoàn kinh tế: EIRR = 15,69%.
- Tỷ số thu nhập/ chi phí: B/C = 1,75
- Thu nhập ròng ($i = 10\%$): NPV = 1.765,22 tỷ đồng.

16. Bước thiết kế.

- Công trình chính gồm đập, tràn, cống lấy nước thiết kế 3 bước: Thiết kế cơ sở + Tổng mức đầu tư, Thiết kế kỹ thuật + Tổng các dự toán và Thiết kế bản vẽ thi công + Dự toán.

- Các hạng mục còn lại gồm nhà máy nước, nhà quản lý, công trình phụ trợ thiết kế 2 bước: Thiết kế cơ sở + Tổng mức đầu tư và Bản vẽ thi công + Dự toán.

17. Phương thức thực hiện và kế hoạch đấu thầu của dự án.

Thực hiện theo Luật Đấu thầu.

18. Diện tích sử dụng đất, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Diện tích sử dụng đất xây dựng công trình: 517 ha, trong đó:
 - + Vĩnh viễn: 442 ha.
 - + Tạm thời (mỏ vật liệu, bãi trữ, kho xưởng, lán trại): 75 ha.
- Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: như Quyết định số 1020/QĐ-UBND 22/6/2010 của UBND huyện Vạn Ninh tỉnh Khánh Hòa phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hồ chứa nước Đồng Điền (UBND huyện Vạn Ninh phê duyệt theo phân cấp tại Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa).

19. Đánh giá tác động môi trường.

Bộ sẽ phê duyệt trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định.

20. Các nội dung khác.

20.1. Vật liệu xây dựng.

- Đá lấy ở 2 mỏ Đ1 và Đ2.
- Cát, sỏi khai thác tại 6 mỏ CS1, CS2, CS3, CS4, CS5, CS6 và mỏ cát Diên Thọ.
- Đất đắp lấy ở 5 mỏ VL1, VL2, VL3, VL4 và VL5.

20.2. Di tích lịch sử, văn hoá và khoáng sản lòng hồ.

- Khai thác, tận thu lâm sản trong phạm vi lòng hồ được xác định trong nội dung hợp phần BT, HT & TĐC.
 - Theo công văn số 868/SVHTTDL-KHTC ngày 19/7/2010 của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch Khánh Hòa, Dự án không ảnh hưởng đến các di tích văn hóa, lịch sử.
 - Theo công văn số 554/ĐCKS-ĐC ngày 08/4/2009 của Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam thì “trên diện tích hồ chứa nước của dự án này chưa phát hiện được khoáng sản có giá trị kinh tế cao hơn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường”.

21. Những lưu ý trong giai đoạn lập Thiết kế kỹ thuật và Bản vẽ thi công.

- Khảo sát và đánh giá ảnh hưởng cụ thể đứt gãy kiến tạo trong vùng hồ để đề ra biện pháp xử lý thích hợp, an toàn và hiệu quả.
- Nghiên cứu bổ sung phương án một trong hai đập là đập đá đổ chống thấm bằng BT bản mặt, đập còn lại là RCC (tràn trong thân đập).
- Nghiên cứu phương án tận dụng cống dẫn dòng kết hợp xả sâu để hạ thấp mực nước hồ khi cần.
- Cập nhật tình hình mưa lũ trong thời gian gần đây; chuẩn xác hóa điều tra, tính toán thủy văn và cân đối nguồn nước đảm bảo an toàn cho công trình và đáp ứng nhiệm vụ dự án.
- Tính toán tiêu năng khi dẫn dòng qua đập tràn xây dở, đảm bảo an toàn công trình và các xi phông hạ lưu đập.
- Tối ưu hóa tuyến và kết cấu công trình chính; tính toán mặt cắt kênh thông hồ đáp ứng nhiệm vụ kênh kết hợp tận dụng đất đá đào kênh cho công trình.
- Nghiên cứu dùng cát xay thay cho cát tự nhiên (do nguồn vật liệu cát ít và xa).
- Nghiên cứu để áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ và tin học trong thiết kế và thi công đập; lắp đặt các thiết bị quan trắc, theo dõi và quản lý vận hành công trình theo hướng hiện đại, tiết kiệm, an toàn và thuận lợi.

- Xác định điểm đầu, công suất nguồn điện phục vụ thi công, quản lý công trình đầu mối (trong đó có việc tận dụng lại máy biến áp phục vụ thi công 400kVA-22/0,4kV và cấp điện cho nhà máy nước Vạn Giã).
- Thỏa thuận với địa phương về nhà máy nước Vạn Giã.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ.

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao:

- Cục Quản lý xây dựng công trình, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.
- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hòa thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư giai đoạn lập Dự án đầu tư; thanh quyết toán kinh phí khảo sát, lập DADT và các chi phí khác có liên quan với UBND tỉnh Khánh Hòa; bàn giao hồ sơ này cho Ban 7 theo đúng các quy định hiện hành.
- Giám đốc Ban 7 thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư hợp phần công trình đầu mối; báo cáo Bộ (thông qua Cục Quản lý XDCT) hồ sơ Thiết kế kỹ thuật các hạng mục chính; chủ trì, phối hợp với các chủ đầu tư khác tổng hợp, cập nhật và lập hồ sơ trình Bộ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung DADT (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đảm bảo tiến độ thi công công trình; cấp hồ sơ các hạng mục công trình do mình quản lý cho Ban 7 để tổng hợp trình Bộ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung DADT (nếu có).
- Cử cán bộ tham gia với các chủ đầu tư để phối hợp điều hành giữa thi công và đảm bảo cấp nước; chỉ đạo các đơn vị liên quan của địa phương phối hợp với Ban 7 để triển khai thi công đồng bộ các hạng mục, hoàn thành và bàn giao dự án đúng tiến độ; tiếp nhận quản lý sử dụng công trình khi hoàn thành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý XDCT, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng các vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học công nghệ & môi trường; các giám đốc: [REDACTED] Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Khánh Hòa và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH & ĐT, Bộ TC, Bộ XD;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Kho bạc NN tỉnh Khánh Hòa;
- UBND huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa;
- HEC, Cty CPXD TL Khánh Hòa;
- Viện KH và CNCT trình thủy (ĐH Xây dựng);
- Lưu VT, XD (10b).



Cao Đức Phát

PHỤ LỤC I
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Dự án Hồ chứa nước Đồng Điện, tỉnh Khánh Hòa
(Kèm theo Quyết định số: **572** /QĐ-BNN-XD ngày **28/3/2011**)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Trị số
I	Đặc trưng thủy văn		
1	Diện tích lưu vực	km ²	123,1
2	Tổng lượng dòng chảy đến 86%	10 ⁶ m ³	68,7
	Tổng lượng nước dùng	10 ⁶ m ³	90,11
	Tổng lượng lũ thiết kế p = 0,5%	10 ⁶ m ³	67,40
	Tổng lượng lũ KT p = 0,1%	10 ⁶ m ³	94,15
3	Lưu lượng lũ TK p = 0,5 %	m ³ /s	2327,0
	Lưu lượng lũ KT p = 0,1 %	m ³ /s	3365,0
	Lưu lượng dẫn dòng mùa lũ p = 0,2%	m ³ /s	2934,9
	Lưu lượng dẫn dòng mùa lũ p = 1%	m ³ /s	1972,9
	Lưu lượng dẫn dòng p = 5%	m ³ /s	155,0
II	Hồ chứa nước		
1	Mực nước dâng bình thường	m	69,60
2	Mực nước chết	m	34,50
3	Mực nước lũ thiết kế P=0.5%	m	69,85
4	Mực nước lũ kiểm tra P=0.1%	m	71,19
5	Dung tích toàn bộ W _{tb}	10 ⁶ m ³	95,05
6	Dung tích hữu ích W _{hi}	10 ⁶ m ³	88,46
7	Dung tích chết W _c	10 ⁶ m ³	6,59
8	Chế độ điều tiết		nhiều năm
9	Diện tích mặt hồ tại MNDBT	ha	375,0
III	Đập chính		
1	Đập Bắc		
	Vị trí	Trên suối Đồng Điện, tại thượng lưu đập dâng Đồng Dưới	
	Kết cấu đập		RCC
	Cao trình đỉnh đập	m	72,0
	Chiều dài đỉnh đập	m	675,0
	Chiều rộng đỉnh đập	m	9,0

Uhuant

TT	Hạng mục	Đơn vị	Trị số
	Chiều cao đập lớn nhất	m	62,0
2	Đập Nam		
	Vị trí	Trên suối Hào, cách đập dâng Vĩnh Huê 400m về phía thượng lưu	
	Kết cấu đập		RCC
	Cao trình đỉnh đập	m	72,0
	Chiều dài đỉnh đập	m	753,0
	Chiều rộng đỉnh đập	m	9,0
	Chiều cao đập lớn nhất	m	57,0
IV	Tràn xả lũ		
1	Tràn đập Bắc		
	Vị trí	Lòng suối Đồng Điền	
	Hình thức tràn	Tràn mặt, đóng mở bằng van cung, xi lanh thủy lực	
	Mặt cắt tràn	Oficerop	
	Cao trình ngưỡng tràn	m	62,60
	Kích thước tràn nx(BxH)		3 cửa x(10x7)m
	Cột nước tràn thiết kế H_{TK} , (P=0.5%)	m	7,25
	Lưu lượng xả thiết kế ($Q_{P=0.5\%}$)	m ³ /s	1.049
	Lưu lượng xả lớn nhất ($Q_{P=0.1\%}$)	m ³ /s	1.349
	Mực nước hạ lưu lớn nhất (P=0.1%)	m	17,31
	Hình thức tiêu năng		Mũi phun
2	Tràn đập Nam		
	Vị trí	Lòng suối Hào	
	Hình thức tràn	Tràn mặt, đóng mở bằng van cung, xi lanh thủy lực	
	Mặt cắt tràn	Oficerop	
	Cao trình ngưỡng tràn	m	62,60
	Kích thước tràn nx(BxH)		3 cửa x(10x7)m
	Cột nước tràn thiết kế H_{TK} , (P=0.5%)	m	7,25
	Lưu lượng xả thiết kế ($Q_{P=0.5\%}$)	m ³ /s	1.049
	Lưu lượng xả lớn nhất ($Q_{P=0.1\%}$)	m ³ /s	1.349
	Mực nước hạ lưu lớn nhất (P=0.1%)	m	21,07
	Hình thức tiêu năng		Mũi phun

TT	Hạng mục	Đơn vị	Trị số
IV	Cống lấy nước		
1	Cống đập Bắc		
	Vị trí		Vai phải đập
	Cao trình ngưỡng	m	31,20
	Chế độ chảy		Có áp
	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	3,52
	Đường kính ống thép trong đập	m	1,20
	Thiết bị điều tiết lưu lượng		Van chặn hạ lưu
2	Cống đập Nam		
	Vị trí		Vai trái đập
	Cao trình ngưỡng	m	31,20
	Chế độ chảy		Có áp
	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	1,74
	Đường kính ống thép trong đập	m	0,80
	Thiết bị điều tiết lưu lượng		Van chặn hạ lưu
V	Kênh thông hồ		
	Lưu lượng	m ³ /s	3,52
	Chiều dài	m	1.875
	Chiều rộng đáy	m	10
	Cao trình đáy kênh	m	+33,0
	Mực nước thiết kế trong kênh	m	1,5
VI	Cống dẫn dòng thi công, mỗi đập 1 cống độc lập		
1	Cống dẫn dòng thi công Bắc		
	Vị trí		Thềm trái sông
	Cao trình ngưỡng cống	m	+17,00
	Lưu lượng dẫn dòng (5%)	m ³ /s	155,0
	Khẩu độ		3 cửa x (2,5x2,5)m
2	Cống dẫn dòng thi công Nam		
	Vị trí		Thềm phải sông
	Cao trình ngưỡng cống	m	+22,00
	Lưu lượng dẫn dòng (5%)	m ³ /s	155,0
	Khẩu độ		3 cửa x (2,5x2,5)m

PHỤ LỤC II
KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU CỦA CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH
Dự án Hồ chứa nước Đồng Điền, tỉnh Khánh Hòa
(Kèm theo Quyết định số: 572 /QĐ-BNN-XD ngày 28 /3/2011)

Bảng 1. Phần xây lắp

STT	Công việc, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Đất đào	m ³	624.560
2	Đào đá các loại	m ³	843.410
3	Đất đắp	m ³	67.730
4	Bê tông các loại	m ³	1.212.560
5	Đá xây, lát	m ³	4.310
6	Khoan phụt xử lý nền	m	28.280
7	Khoan lỗ thu nước nền	m	5.420
8	Ống nhựa PVC D50 mm	m	5.880
9	Nhựa đường 3.5kg/m ²	m ²	51.180
10	Đá dăm các loại	m ³	31.750
11	Thiết bị cơ khí	Tấn	958

Bảng 2. Thiết bị điện chính

TT	Tên thiết bị	Loại	Đơn vị	Số lượng
1	Hệ thống điện thi công			
	Đường dây 22kV	AC-70	km	8
	Trạm biến áp TC1 – TC6	400kVA- 22/0,4kV	trạm	6
	Tủ phân phối 800A	(500x1000x1750)	tủ	6
2	Hệ thống điện vận hành			
	Trạm biến áp	100kVA- 22/0,4kV	trạm	2
	Máy phát điện Diesel	82kW-400/230V	trạm	2
	Tủ phân phối 200A	(500x1000x1750)	tủ	2
	Tủ điều khiển cửa cống	(300x500x700)	tủ	2
	Tủ điều khiển cửa tràn	(600x800x2000)	tủ	6
	Thiết bị giám sát và thông tin	Vô tuyến và hữu tuyến	hệ thống	2
	Điện chiếu sáng		hệ thống	2
	Điện sinh hoạt nhà quản lý		hệ thống	2

PHỤ LỤC III- TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN: HỒ CHUA NƯỚC ĐỒNG ĐIỀN - TỈNH KHÁNH HOÀ
 (Kèm theo Quyết định số 572 /QĐ-BNN-XD ngày 28 /3/2011)

STT	HẠNG MỤC	KINH PHÍ (đồng)	GHI CHÚ
A	CHI PHÍ XÂY DỰNG (bao gồm cả lần trả)	2.193.931.812.000	
1	Đập + Tràn	1.949.099.605.000	
2	Cống lấy nước	12.169.494.000	
3	Khối lượng phục vụ thi công	141.782.061.000	
4	Quan trắc biến dạng phần xây lát	555.500.000	
5	02 nhà quản lý	5.000.000.000	
6	Nhà máy nước Vạn Giã (xây dựng trả lại)	19.429.921.000	Vốn NSTW; ĐP làm chủ đầu tư
7	Kênh thông hồ	30.108.544.000	
8	Đường thi công kết hợp quản lý	26.252.079.000	
	- Đường thi công kết hợp QL số 1 (gồm cả công trình trên đường)	14.732.903.000	
	- Đường thi công kết hợp QL số 2 (gồm cả công trình trên đường)	11.519.176.000	
9	Xây dựng hệ thống điện	9.534.608.000	
	- HT điện vận hành	2.588.226.000	
	- HT điện thi công	6.946.382.000	
B	CHI PHÍ THIẾT BỊ	77.580.643.000	
1	Thiết bị cơ khí	69.551.160.000	
2	Thiết bị điện	2.409.483.000	
3	Thiết bị nhà máy nước	1.620.000.000	
4	Thiết bị quan trắc	4.000.000.000	
C	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (BAO GỒM CẢ CHI PHÍ PHÁT DỌN, VỆ SINH LÒNG HỒ)	306.705.719.000	Vốn NSTW; ĐP làm chủ đầu tư
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	302.297.563.000	
2	Chi phí phát dọn và vệ sinh lòng hồ	4.408.156.000	
D	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	17.196.118.000	
E	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	94.786.346.000	
1	Chi phí khảo sát	38.069.596.000	
a	Giai đoạn dự án đầu tư	3.226.596.000	Vốn NSDP; ĐP làm chủ đầu tư
	- Khảo sát địa hình	1.279.024.900	
	- Khảo sát địa chất	1.733.748.100	
	- Khảo sát thủy văn	193.922.550	
	- Mua tài liệu khí tượng thủy văn	19.900.000	
b	Giai đoạn TKKT và BVTC (TT)	34.843.000.000	
2	Lập dự án đầu tư xây dựng công trình	3.033.821.000	Vốn NSDP; ĐP làm chủ đầu tư
3	Lập thiết kế kỹ thuật -TDT và thiết kế BVTC-DT	31.805.902.000	
4	Phản biện phương án kết cấu đập (TT)	50.000.000	Vốn NSDP; ĐP làm chủ đầu tư
5	Thẩm tra dự án đầu tư	325.000.000	Vốn NSDP; ĐP làm chủ đầu tư
6	Thiết kế kiến trúc cảnh quan công trình (TT)	300.000.000	

Handwritten signature 13

STT	HẠNG MỤC	KINH PHÍ (đồng)	GHI CHÚ
7	Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra bản vẽ thi công	677.810.000	
8	Thẩm tra TDT- Dự toán công trình	632.724.000	
9	Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp	526.362.000	
10	Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu thiết bị	84.642.000	
11	Giám sát thi công xây dựng công trình	10.148.517.000	
12	Giám sát lắp đặt thiết bị	282.172.000	
13	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	249.800.000	
14	Lập định mức, đơn giá xây dựng công trình (TT)	300.000.000	
15	Thí nghiệm cấp phối Bê tông đầm lăn RCC (TT)	2.000.000.000	
16	Thí nghiệm Bê tông đầm lăn RCC hiện trường (TT)	2.000.000.000	
17	Thí nghiệm mô hình thủy lực (2 mô hình cho 2 đập) (TT)	2.500.000.000	
18	Kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình (TT)	1.000.000.000	
19	Quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình (TT)	300.000.000	✓
20	Lập hồ sơ điện tử và mô phỏng 3D (TT)	500.000.000	✓
F	CHI PHÍ KHÁC	30.062.723.000	
1	Rà phá bom mìn, vật nổ	8.722.904.000	✓
2	Bảo hiểm xây dựng công trình	14.586.101.000	✓
3	Đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công (TT)	1.000.000.000	✓
4	Chi phí kiểm toán	839.941.000	✓
5	Chi phí thẩm tra, quyết toán công trình	582.421.000	✓
6	Lệ phí thẩm định	281.356.000	✓
-	Thẩm định dự án đầu tư	83.600.000	Vốn NSDP; ĐP làm chủ đầu tư
-	Thẩm định TKKT	88.010.000	
-	Thẩm định TDT	109.746.000	
7	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	50.000.000	
8	Chi phí thuê chuyên gia trong quá trình thi công (TT)	250.000.000	
9	Đào tạo quản lý, vận hành công trình (TT)	200.000.000	
10	Tham quan, học tập công nghệ xây dựng (TT)	700.000.000	✓
11	Trang thiết bị phục vụ quản lý, khai thác hệ thống công trình (TT)	2.000.000.000	✓
12	Lệ phí địa chính, cấp phép xây dựng (TT)	100.000.000	✓
13	Cập nhật các nghiên cứu, thí nghiệm và xây dựng định mức, đơn giá về bê tông sử dụng cát nghiền thay cát tự nhiên (TT)	750.000.000	✓
G	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	800.000.000.000	
	TỔNG CỘNG	3.520.263.361.000	

Ghi chú: - (TT) kinh phí của hạng mục tạm tính

- Vốn NSTW, Ban QLĐT&XD TL7 làm chủ đầu tư (cả chi khác+dự phòng): 3.187.408.704.000
- Vốn NSTW do Bộ NN&PTNT quản lý, Địa phương làm chủ đầu tư: 326.135.640.000
- Vốn NSDP do Địa phương làm chủ đầu tư: 6.719.017.000